

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN NẬM PỎ
TRƯỜNG PTDTBT THCS NẬM

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học
2025-2026

Đối với cấp TH:

		Chia theo khối lớp				
STT	Nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
		- Được các trường Mầm non công nhận hoàn thành chương trình mẫu giáo 5 tuổi. - Độ tuổi 6 đến 8 tuổi chưa vào học	- Đã hoàn thành chương trình lớp 1, được công nhận lên lớp 2 - Độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.	- Đã hoàn thành chương trình lớp 2, được công nhận lên lớp 3 - Độ tuổi từ 8 đến 10 tuổi.	- Đã hoàn thành chương trình lớp 3, được công nhận lên lớp 4 - Độ tuổi từ 9 đến 11 tuổi.	- Đã hoàn thành chương trình lớp 4, được công nhận lên lớp 5 - Độ tuổi từ 10 đến 12 tuổi.
1	Điều kiện tuyển sinh					



THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

Đối với cấp TH:

II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện	- Thực hiện	- Thực hiện	- Thực hiện	- Thực hiện
		Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Ban hành theo	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Ban hành theo	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Ban hành theo	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Ban hành theo	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Ban hành theo
		TT thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).	TT thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).	TT thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).	TT thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).	TT thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).
		- Nhà trường xây dựng KHGD dựa trên chương trình các môn học và yêu cầu về phẩm chất, năng lực phù hợp với điều kiện nhà trường.	- Nhà trường xây dựng KHGD dựa trên chương trình các môn học và yêu cầu về phẩm chất, năng lực phù hợp với điều kiện nhà trường.	- Nhà trường xây dựng chương trình các môn học và yêu cầu về phẩm chất, năng lực phù hợp với điều kiện nhà trường.	- Nhà trường xây dựng KHGD dựa trên chương trình các môn học và yêu cầu về phẩm chất, năng lực phù hợp với điều kiện nhà trường.	- Nhà trường xây dựng KHGD dựa trên chương trình các môn học và yêu cầu về phẩm chất, năng lực phù hợp với điều kiện nhà trường.
		- Tổng số 10 môn học gồm: Toán, Tiếng việt, HDTN, Âm nhạc, GDTC, Tăng cường TV, GDTC, Tăng	- Tổng số 10 môn học gồm: Toán, Tiếng việt, HDTN, Âm nhạc, GDTC, Tăng cường TV, GDTC, Tăng	- Tổng số 13 môn học gồm: Toán, Tiếng việt, HDTN, Âm nhạc, GDTC, Tăng cường TV, Đọc thư viện, TNXH, Mĩ thuật, Đạo đức, Tin học, Công nghệ, Tiếng anh.	- Tổng số 13 môn học gồm: Toán, Tiếng việt, HDTN, Âm nhạc, GDTC, Tăng cường TV, Đọc thư viện, TNXH, Mĩ thuật, Đạo đức, Tin học, Công nghệ, Tiếng anh.	- Tổng số 13 môn học gồm: Toán, Tiếng việt, HDTN, Âm nhạc, GDTC, Tăng cường TV, Đọc thư viện, TNXH, Mĩ thuật, Đạo đức, Tin học, Công nghệ, Tiếng anh.

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

Đối với cấp TH:

III Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - Tổ chức Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, cấp trường đề bầu Ban EDCMHS lớp, Ban EDCMHS trường, bầu thường trực Ban EDCMHS trường, xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch nhiệm vụ, tổ chức kí cam kết thực hiện các cuộc vận động giữa GV, HS và CMHS. - Xây dựng quy chế phối hợp giữa Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm và Ban EDCMHS lớp, Ban EDCMHS trường. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ khoản thu dịch vụ công, các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục và nguồn huy động tài trợ, - Phối hợp trong công tác đánh giá học sinh, có sự phối hợp giữa nhà trường và CMHS trong việc hỗ trợ hoạt động học tập cụ thể trong 2 HD "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng", tham gia nhận xét, đánh giá của HS. - Đảm bảo thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình: Nhà trường nắm bắt đầy đủ thông tin, địa chỉ, số điện thoại của gia đình HS; Triển khai phần mềm trực tuyến tra cứu kết quả học tập thông qua tổng đài nhắn tin. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh - Học sinh có thái độ tích cực, chủ động học tập, tu dưỡng và rèn luyện; Cộng tác với bạn bè trong thực hiện nhiệm vụ học tập.
---	---



THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

Đối với cấp TH:

IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục - Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, có đủ sân chơi, hệ thống cây xanh, bồn hoa cây cảnh tạo cảnh quan trường học "xanh, sạch, đẹp". Có hệ thống nước sạch, điện lưới, nhà vệ sinh hợp vệ sinh. - Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với học sinh: Chế độ cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định 81/NĐ-CP, ND 116/ND-CP. + Hỗ trợ chi phí học tập 150.000đ/tháng x 9 tháng/năm (HS mồ côi cả cha mẹ, HS khuyết tật, HS con hộ nghèo, HS thuộc 3 thôn bản DBKK... - Học sinh khuyết tật mỗi tháng được hưởng trợ cấp bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ (VD hiện tại là 1.800.000 x 80% = 1.440.000 đồng/tháng). - HS được hỗ trợ 100% BHYT (Người khuyết tật được hưởng hỗ trợ hàng tháng; Học sinh là con hộ nghèo, hộ cận nghèo, HS thuộc 3 thôn bản DBKK). HS còn lại được hỗ trợ 50% BHYT. - Thực hiện 3 đủ đối với học sinh: Đủ ăn, đủ sách vở, đủ quần áo bằng các hình thức xã hội hóa giáo dục.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được Thực hiện đánh giá theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT. Quy định về đánh giá học sinh TH. Đối với lớp 1,2,3,4, 5: 16 lớp, 481 HS - Về kết quả rèn luyện: 100% học sinh xếp loại đạt trở lên, trong đó: + Xếp loại HTXS: 90/481 = 18,7% + HTT: 94/481 = 19,5 % ; HT: 287/481 = 59,7% + CHT: 5/481 = 2,1% - Xếp loại về Phẩm chất: + Tốt: 184 + Đạt: 287 + Cần cố gắng: 5

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

Đối với cấp TH:

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	HS của nhà trường	HS của nhà trường sau	HS của nhà trường sau	HS của nhà trường
		HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 1 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 2 ở tại	khi hoàn thành chương trình lớp 2 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 3 ở tại trường, tỷ lệ chuyển lớp 100%	khi hoàn thành chương trình lớp 3 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 4 ở tại trường, tỷ lệ chuyển lớp 100%	HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 4 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 5 ở tại trường, tỷ lệ
		HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 1 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 2 ở tại	khi hoàn thành chương trình lớp 2 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 3 ở tại trường, tỷ lệ chuyển lớp 100%	HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 3 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 4 ở tại trường, tỷ lệ chuyển lớp 100%	HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 4 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 5 ở tại trường, tỷ lệ
		HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 1 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 2 ở tại	khi hoàn thành chương trình lớp 2 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 3 ở tại trường, tỷ lệ chuyển lớp 100%	HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 3 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 4 ở tại trường, tỷ lệ chuyển lớp 100%	HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 4 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 5 ở tại trường, tỷ lệ

*** Đối với cấp THCS:**

		Chia theo khối lớp			
STT	Nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		- Được các trường Tiểu học công nhận hoàn thành chương trình tiểu học. - Độ tuổi 11-13.	- Đã hoàn thành chương trình lớp 6 phổ thông, được công nhận lên lớp 7 - Độ tuổi 12-15	- Đã hoàn thành chương trình lớp 7 phổ thông, được công nhận lên lớp 8 - Độ tuổi 13-16	- Đã hoàn thành chương trình lớp 8 phổ thông, được công nhận lên lớp 9 - Độ tuổi 14-17
I	Điều kiện tuyển sinh				



THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

Đối với cấp TH:

	- Thực hiện	trình giáo dục phổ thông 2018 (Ban hành theo TTthông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).	- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Ban hành theo TTthông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).	- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Ban hành theo TTthông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT).
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Nhà trường xây dựng KHGD dựa trên chương trình các môn học và yêu cầu về phẩm chất, năng lực phù hợp với điều kiện nhà trường. - Tổng số 13 môn học gồm: Toán, Văn, Tiếng Anh, KHTN, Lịch sử và Địa lý, GDCD, Công Nghệ, Tin học, GD thể chất, Nobê thuât /MT	- Nhà trường xây dựng KHGD dựa trên chương trình các môn học và yêu cầu về phẩm chất, năng lực phù hợp với điều kiện nhà trường. - Tổng số 13 môn học gồm: Toán, Văn, Tiếng Anh, KHTN, Lịch sử và Địa lý, GDCD, Công Nghệ, Tin học, GD thể chất, Nghệ thuật (MT, AN), HD trải nghiệm, HN, Giáo dục địa phương. - Tổ chức cho HS tham gia lớp 2 buổi.	- Nhà trường xây dựng KHGD dựa trên chương trình các môn học và yêu cầu về phẩm chất, năng lực phù hợp với điều kiện nhà trường. - Tổng số 13 môn học gồm: Toán, Văn, Tiếng Anh, KHTN, Lịch sử và Địa lý, GDCD, Công Nghệ, Tin học, GD thể chất, Nghệ thuật (MT, AN), HD trải nghiệm, HN, Giáo dục địa phương. - Tổ chức cho HS tham gia lớp 2 buổi.

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

Đối với cấp TH:

Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	* Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: - Tổ chức Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh cấp lớp, cấp trường để bầu Ban EDCMHS lớp, Ban EDCMHS trường, bầu thường trực Ban EDCMHS trường, xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch nhiệm vụ, tổ chức kí cam kết thực hiện các cuộc vận động giữa GV, HS và CMHS. - Xây dựng quy chế phối hợp giữa Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm và Ban EDCMHS lớp, Ban EDCMHS trường. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ khoản thu dịch vụ công, các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục và nguồn huy động tài trợ, để đảm bảo tính công khai minh bạch, nhà trường triển khai thu các khoản thu qua tài khoản: Số tài khoản: 36010000865328 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên (BIDV): Trường THCS xã Thanh Yên - Phối hợp trong công tác đánh giá học sinh, có sự phối hợp giữa nhà trường và CMHS trong việc hỗ trợ hoạt động học tập cụ thể trong 2 HD "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng", tham gia nhận xét, đánh giá của HS. - Đảm bảo thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình: Nhà trường nắm bắt đầy đủ thông tin, địa chỉ, số điện thoại của gia đình HS; Triển khai phần mềm trực tuyến tra cứu kết quả học tập thông qua tổng đài nhắn tin. * Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh - Học sinh có thái độ tích cực, chủ động học tập, tu dưỡng và rèn luyện; Cộng tác với bạn bè trong thực hiện nhiệm vụ học tập. - Trung thực trong học tập không có thái độ gian lận trong kiểm tra thi cử, đấu tranh với tiêu cực trong KTDG. - Có hứng thú trong học tập và 90% học sinh có nguyện vọng tiếp tục học THPT và
--	--

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

Đối với cấp TH:

IV Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, có đủ sân chơi, hệ thống cây xanh, bồn hoa cây cảnh tạo cảnh quan trường học “xanh, sạch, đẹp”. Có hệ thống nước sạch, điện lưới, nhà vệ sinh hợp vệ sinh. - Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với học sinh: Chế độ cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định 81/ND-CP: + Hỗ trợ chi phí học tập 150.000đ/tháng x 9 tháng/năm (HS mồ côi cả cha mẹ, HS khuyết tật, HS con hộ nghèo, HS thuộc 3 thôn bản DBKK gồm: <i>Bản Phươn, Bản Chiềng Tông, Bản Phú Yên</i>). + Miễn 100% học phí 50.000đ/ tháng x 9 tháng (<i>Học sinh khuyết tật; Học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng; Học sinh có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Học sinh phổ thông là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/ND-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ; Học sinh có hộ khẩu ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn; Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/ND-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ</i>) + Miễn 50% học phí 25.000đ/ tháng x 9 tháng. (<i>Học sinh là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên; Học sinh phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ</i>). - Học sinh khuyết tật mỗi tháng được hưởng trợ cấp bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ (VD hiện tại là 1.800.000 x 80% = 1.440.000 đồng/ tháng).
---	--

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

Đối với cấp TH:

 Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được V	Đối với lớp 6,7,8: 11 lớp, 379 HS Thực hiện đánh giá theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT, Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và Trung học phổ thông. - Về kết quả rèn luyện: 100% học sinh xếp loại đạt trở lên, trong đó: + Xếp loại Tốt: 270/379 (71,2%) trở lên; + Khá 95/379 (25%). + Còn lại xếp loại Đạt. - Kết quả học tập: 365/379 (96,3%) học sinh xếp loại đạt trở lên; Trong đó: + Loại tốt 45/239 (12,6%); + Loại khá 150/379 (39,8%); + Xếp loại Đạt 170/379 (44,8%). - Sau kiểm tra lại đạt: 378/379 (99,7%) được chuyển lớp.	Đối với lớp 9: Thực hiện đánh giá theo Công văn 4669/BGDĐT-GDTH về đánh giá học sinh THCS theo mô hình trường học mới; Công văn số: 1392/BGDĐT-GDTH V/v thực hiện một số quy định về đánh giá học sinh THCS mô hình trường học mới từ năm học 2016-2017. - Về phẩm chất: 100% xếp loại Đạt trở lên, trong đó xếp loại Tốt 72/96 HS (75%). - Về học tập: Có 92/96 (95,7%) xếp loại Hoàn thành trở lên, trong đó có 10 HS (11,8%) xếp loại Hoàn thành tốt. - Về năng lực: Có 92/96 (95,8%) xếp loại Đạt trở lên, trong đó xếp loại Tốt 10 HS (11,8%). - Xếp loại chung: Hoàn thành chương trình: Có 92/96 (95,8%).
	- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và đạt kết quả khá, tốt. - Tỷ lệ học sinh lên lớp sau kiểm tra lại đạt 378/379 (99,7%). (Tỷ lệ HS lưu ban dưới 0,3%).	- Tỷ lệ học sinh được xét công nhận Tốt nghiệp THCS: 96/96 (100%). - Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT đạt 80%, học nghề đạt 20%.

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2025-2026

Đối với cấp TH:

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 6 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 7 ở tại trường, hoặc ở các trường THCS khác	HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 7 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 8 ở tại trường, hoặc ở các trường THCS khác. Tỷ lệ chuyển lên 99%	HS của nhà trường sau khi hoàn thành chương trình lớp 8 đạt yêu cầu về Phẩm chất và Năng lực để tiếp tục học lên lớp 9 ở tại trường, hoặc ở các trường THCS khác. Tỷ lệ chuyển lên 96%	HS sau khi Tốt nghiệp THCS tiếp tục đăng ký xét tuyển, thi tuyển vào các trường THPT, PTDTNT hoặc TCCN. Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên
----	--	--	--	--	---

Nà Hỷ, ngày 09 tháng 09 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Chu Văn Quảng